

GIỌNG ĐIỀU TRẦN THUẬT TRONG TIỂU THUYẾT CHU LAI TỪ GÓC NHÌN TỰ SỰ HỌC

Hồ Thị Mộng Tuyền^{1*}, Bùi Thanh Thảo¹

Tóm tắt

Trong bài viết này, chúng tôi vận dụng lý thuyết tự sự học vào nghiên cứu giọng điệu trần thuật trong tiểu thuyết của Chu Lai. Giọng điệu trần thuật là sợi dây gắn kết, phương thức thể hiện thái độ, cảm xúc, quan điểm của người kể chuyện xuất phát từ sự kiến tạo tài hoa của nhà văn. Trong đó, tiểu thuyết của Chu Lai nổi bật với giọng điệu triết lý và thương cảm. Từ giọng điệu này, người kể chuyện đã tạo nên những cung bậc âm hưởng sâu sắc mang đến nhiều giá trị tự sự. Đây là công cụ gợi mở nội dung, khai thác chiều sâu tư tưởng, giúp độc giả cảm nhận được những biến chuyển tinh tế trong tâm lý, thái độ của người kể chuyện. Sự đan xen giọng điệu triết lý và thương cảm trong các tiểu thuyết của Chu Lai đã làm nổi bật giá trị nhân văn, tác động đến thế giới quan của người tiếp nhận. Qua đây, chúng tôi nhận thấy giọng điệu trần thuật có vai trò quan trọng trong cấu trúc tự sự. Đồng thời, phương thức này truyền tải các câu chuyện về số phận con người, chứa đựng những suy tư sâu sắc về chiến tranh và cuộc đời.

Từ khóa: Giọng điệu trần thuật, tự sự học, tiểu thuyết, Chu Lai.

Abstract

In this article, we apply the theory of narratology to the study of narrative tone in Chu Lai's novels. Narrative tone is the connecting thread, the method of expressing the narrator's attitude, emotions, and viewpoints originating from the talented creation of the writer. In particular, Chu Lai's novels stand out with their philosophical and sympathetic tone. From the tone, the narrator has created profound resonances that bring many narrative values. This is a tool to suggest content, exploit the depth of thought, helping readers feel the subtle changes in the narrator's psychology and attitude. The interweaving of philosophical and sympathetic tones in the novels has highlighted humanistic values, affecting the worldview of the recipient. Through this, we see that narrative tone plays an important role in the narrative structure. At the same time, this method conveys stories about human destiny, containing profound thoughts about war and life.

Keywords: Narrative tone, narratology, novel, Chu Lai

¹ Trường Đại học Cần Thơ

*Người chịu trách nhiệm bài viết: Hồ Thị Mộng Tuyền (Email:htmtuyen029@gmail.com)

1. Đặt vấn đề

Du nhập vào Việt Nam từ những năm 80 của thế kỷ XX, lí thuyết tự sự học cung cấp cơ sở giải mã, giúp khám phá những tầng sâu bên trong ý nghĩa của tác phẩm văn học. Trong đó, giọng điệu trần thuật được xuất phát từ quan điểm nhận xét, đánh giá, bình phẩm của người kể chuyện. Dựa vào cơ sở này, chúng tôi khám phá giọng điệu triết lý và thương cảm trong một số tiểu thuyết của tác giả Chu Lai. Góp sức vào sự phát triển của văn học Việt Nam, nhà văn Chu Lai đã gửi tâm hồn và ngòi bút của mình vào hàng loạt tiểu thuyết ấn định sức sáng tạo, phong cách cá nhân. Khảo sát một số tiểu thuyết của Chu Lai, chúng tôi nhận thấy hai giọng điệu mang tính chất đặc trưng là giọng điệu triết lý và thương cảm. Từ nền tảng lí thuyết tự sự học, chúng tôi đã có điều kiện mở rộng, đi sâu vào giọng điệu trần thuật của người kể chuyện trong phạm vi một số tiểu thuyết của Chu Lai.

Theo *Từ điển thuật ngữ văn học: Giọng điệu* (tiếng Anh: *Tone*) là *thái độ, tình cảm, lập trường tư tưởng, đạo đức của nhà văn đối với hiện tượng được miêu tả trong lời văn quy định cách xưng hô, gọi tên, dùng từ, sắc điệu tình cảm, cách cảm thụ xa gần, thân sơ, thành kính hay suồng sã, ngợi ca hay châm biếm...* [1 tr.134]. Trong quá trình sáng tác, nhà văn cân nhắc, lựa chọn giọng điệu sao cho phù hợp với mục đích mà tác giả xây dựng cốt truyện, nhân vật. Đây là sợi dây liên kết tư tưởng, thái độ, cảm xúc,... của nhà văn đến với độc giả. Nhận định này đề cao vai trò chủ đạo của nhà văn khi xây dựng giọng điệu nghệ thuật trong tác phẩm.

Xét ở góc độ lí thuyết tự sự học, theo Trần Đình Sử: *“Tự sự học vốn là một nhánh của thi pháp học hiện đại, hiểu theo nghĩa rộng nghiên cứu cấu trúc của văn bản tự sự và các vấn đề liên quan hoặc nói cách khác*

là nghiên cứu đặc điểm nghệ thuật trần thuật của văn bản tự sự nhằm tìm một cách đọc.” [9 tr.11]. Tuy cội nguồn của toàn bộ thông tin tự sự bắt nguồn từ tác giả nhưng khi đi vào nghiên cứu văn bản tự sự cần hiểu được rằng: *“Trong văn bản nghệ thuật không có từ nào trực tiếp liên hệ đến cá nhân của nhà văn”* [9 tr.80]. Người kể chuyện chính là chủ thể trung tâm trong các chủ thể khác của tự sự *“là chủ thể nó phải có lời lẽ riêng, điểm nhìn riêng, giọng điệu riêng”* [9 tr.116]. Do đó, người kể chuyện muốn nhấn mạnh thái độ, tình cảm, quan điểm, bình luận, đánh giá vấn đề sẽ bộc lộ qua tính chất của giọng điệu. Vì vậy, giọng điệu trần thuật được nhìn nhận trong nghiên cứu của tự sự học chính là một phương thức thể hiện yếu tố của người kể chuyện. Người nghiên cứu sẽ tập trung vào giọng điệu trần thuật ở người kể chuyện trong tiểu thuyết của Chu Lai thông qua âm sắc triết lý và cảm thông. Việc vận dụng nghiên cứu từ góc độ tự sự học sẽ làm sáng tỏ hơn, cảm quan mới ở phương diện giọng điệu tiểu thuyết Chu Lai.

2. Nội dung

2.1. Giọng điệu triết lý

Dựa trên cấu trúc của tác phẩm tự sự, tác giả thực tế được hiểu là nhà văn. Người đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành tác phẩm. Đối chiếu vào tác giả Chu Lai, ông có hành trang thực tế với chiến trường và dấn thân vào đời bằng phong cách lãng du. Điều này góp phần tạo nên sự khác biệt trong tư tưởng nung nấu ở các sáng tác của nhà văn. Do đó giọng điệu trần thuật trong tiểu thuyết của Chu Lai cốt yếu mang âm sắc triết lý gắn liền với chuỗi hành trình lãng động, suy ngẫm, cảm nhận được thể hiện qua người kể chuyện. Chủ yếu, người kể chuyện thể hiện giọng điệu triết lý ở hoàn cảnh chiến tranh và đời sống trong thời hòa bình. Mỗi hoàn cảnh thì sắc thái giọng điệu triết lý sẽ khác nhau.

Là chủ đề nổi bật trong sáng tác của Chu Lai, chiến tranh được thể hiện đúng với bản chất của nó, không tô hồng và không làm nó đen tối. Người kể chuyện hiện thân trong văn bản với nhiều trạng thái tâm lý khác nhau. Có lúc là người trực tiếp đi vào cuộc chiến, quan sát kể lại vết nứt trong tâm lý của đồng đội, nhiều người mà anh ta đã bắt gặp. Cụ thể, giọng điệu triết lý được cất lên một cách trầm hùng đôi khi sắc lạnh, đánh thép mang đến những bài học ý nghĩa trường tồn trong chiến tranh khắc nghiệt. Điều này thuận lợi trong việc bày tỏ quan điểm, tình cảm cũng như thái độ cảm xúc của người kể chuyện.

Ở *Khúc bi tráng cuối cùng* người kể chuyện đã trần thuật hành trình chiến đấu gian khổ của những người lính đặc công. Trong đó, người kể chuyện đã phác họa lại biểu tượng ánh đèn đầy ý nghĩa trong ngôi nhà tổng hành dinh với giọng điệu triết lý về tinh thần bền chí, khát vọng về đời sống độc lập tự do. Khẳng định cuộc chiến này còn mang tầm vóc, sức mạnh của ý chí, lương tri, hướng tới tự do, hòa bình: “*Ngôi nhà tổng hành dinh, ngôi nhà của Bộ Quốc phòng, nơi xuất phát mọi ý tưởng chiến lược của cuộc hành binh chống ngoại xâm, giải phóng dân tộc. Ngôi nhà không ngủ. Ánh đèn đêm từ đó tỏa ra, hắt lên bầu trời một vầng thân quang bền bỉ, soi tỏ và bất diệt. Ánh đèn biểu trưng cho khát vọng, ý chí và lương tri*” [2 tr.29]. Giọng điệu triết lý tạo nên không gian suy tư, gợi mở cho người đọc về những tầng ý nghĩa sâu xa về biểu tượng tinh thần, luôn sáng ngời dù trong đêm tối của chiến tranh và nhắc nhở về sự trường tồn của những giá trị cao cả, bất diệt của dân tộc.

Người kể chuyện nhận định vấn đề bằng giọng điệu triết lý một cách mạnh mẽ, đầy khí thế: “*Ôi những con đường hành quân thân tóc sáng nay sao trời đẹp, nắng lại vàng và những cánh rừng cao su sao lại xanh đến thế. Thiên*

nhien như cũng xôn xao, phơi phơi của con người. Một ngày bằng hai mươi năm. Một năm bằng cả đời người” [2 tr.327]. Cách nói gãy gọn tăng thêm sức nén cho giọng điệu bất nên giá trị của lý tưởng khát vọng của những con người người trong hoàn cảnh khắc nghiệt đó. Giọng điệu triết lý không dừng lại ở mức độ hùng hồn mà còn kết hợp với nhịp điệu nhanh chóng tỏa ra được khí thế hăng say của người lính trên tuyến đường hành quân. Giọng điệu triết lý thổi hồn vào nhịp điệu hành quân nói lên sự hòa hợp trong trạng thái giữa con người và thiên nhiên, nêu cao tinh thần lạc quan. Chất chứa trong giọng điệu còn là vẻ đẹp lý tưởng cách mạng càng được nâng cao, niềm tin hy vọng sau quá trình dài đằng đẳng chuẩn bị tiến công.

Bên cạnh đó, người kể chuyện còn linh hoạt thể hiện sắc thái của giọng điệu triết lý sao cho hòa hợp với tinh thần, mạch cảm xúc được xây dựng trong tác phẩm. Ở bình diện không gian, người kể chuyện đã bộc lộ cảm nghĩ từ tâm trạng đầy trăn trở với giọng điệu triết lý khi không gian bao trùm là màn đêm mờ mịt như chính cảnh đêm tối mà chiến tranh gây ra. Không gian âm u tăm tối cứ xoay chuyển rồi lại trở về với chính nó: “*Lại là đêm. Vẫn là đêm. Dường như chiến tranh bao giờ cũng đồng nghĩa với bóng đêm*.” [2 tr.275], lúc này giọng điệu triết lý càng toát lên được sự sắc lạnh, bản chất chiến tranh như chiếc lưỡi hái đi ngang qua cướp đi sinh mệnh của những con người.

Nói tiếp dòng chảy của giọng điệu này, *Mưa đỏ* - Đứa con được Chu Lai nung nấu dựa trên chiến tích lịch sử 81 ngày đêm tại Thành cổ Quảng Trị. Người kể chuyện đi sâu vào bản chất của chiến tranh bằng giọng điệu triết lý: “*Chiến tranh là vậy, bí hiểm, trần trụi, khôn lường*.” [3 tr.230]. Nói về chiến tranh, người kể chuyện nhận định thẳng thắn, tách

bạch với giọng điệu triết lý mang âm sắc vừa khảng khái nhưng lại vừa trầm lắng. Tiếp tục, giọng điệu triết lý còn là lời người kể chuyện phân giải cho chính tâm hồn phức tạp, nội tâm của người lính. Khi dựa vào điểm nhìn bên trong của người lính, người kể chuyện khai thác được những băn khoăn, suy tư về sự tàn khốc của chiến tranh: *“Cái gọi là thế giới bên trong con người phức tạp thật! Như anh, chưa bao giờ anh nghĩ đến cái sống cái chết nhiều như những ngày này. Sống nặng nề, chết mỏng manh, như trò đùa. Chẳng lẽ chiến tranh chỉ gói gọn trong cái định nghĩa khô cứng là ngày nào cũng chôn nhau nhưng chưa đến lượt chôn mình ư?”* [3 tr.162]. Song hành cùng giọng điệu triết lý là các câu cảm thán, câu hỏi tu từ nhấn mạnh được hậu quả nặng nề mà chiến tranh gây nên thể hiện được thái độ phê phán lên án. Từ đây, giọng điệu triết lý thể hiện được khát vọng hòa bình, tự do, hạnh phúc của người lính và phản ánh sự thương vong, tác động tiêu cực mà chiến tranh đã gây ra.

Quá khứ chiến đấu oanh liệt của ông Hai Hùng trong *Ấn mảy dĩ vãng* đã được người kể chuyện đồng sự kể lại bằng giọng điệu triết lý. Nhằm vạch trần sự đen tối của chiến tranh thông qua suy nghĩ về kiếp người sống chết bị định đoạt bởi sự lạnh lùng của khói đạn, người trong cuộc bộc bạch: *“Trong những cánh rừng và trên những dòng sông này, còn biết bao những cái chết ngớ ngẩn, hoàn toàn vô nghĩa khác mà phải đành chịu. Chiến tranh... Nó là cái gì nếu không phải ngày nào cũng nhìn thấy người chết, ngày nào cũng chôn người chết mà vẫn chưa tới lượt mình.”* [6 tr.54]. Ở tiểu thuyết này, người kể chuyện cũng chính là nhân vật Hai Hùng, thế nên giọng điệu triết lý gắn liền với sự chiêm nghiệm trong quá trình ông Hùng ở chiến trường. Sự kinh hoàng của chiến tranh đã gây ra nỗi ám ảnh to lớn, mặc dù người kể chuyện trở về thời bình

cũng không thể thoát khỏi hệ quả đó: *“Cuộc chiến tranh vừa qua có thể là trò đùa nhưng sự mất mát lại là có thật. Cuộc đời hôm nay có thể chỉ là tấn tuồng nhưng nỗi buồn không bao giờ là một màn kịch cả.”* [6 tr.474]. Giọng điệu triết lý vang lên như một bản án cho chiến tranh. Nó mang sắc thái trầm lắng, cô đọng lại sau quá trình chiến tranh diễn ra, gây nên bao nhiêu thảm cảnh. Người kể chuyện thông qua bình diện ý thức hệ đưa ra nhận định về chiến tranh. Sự đối lập trong nội dung của các vế của câu văn điểm tô thêm cho giọng điệu triết lý một vẻ suy tư, chiêm nghiệm về hậu quả của chiến tranh. Cùng với đó là ngữ điệu sắc lạnh khi vạch trần, phê phán bản chất của chiến tranh. Nhờ đó đã truyền tải được tinh thần phản kháng chiến tranh, nêu cao giá trị nhân văn hướng đến sự mưu cầu cuộc sống hòa bình, khát vọng hạnh phúc.

Ở mảng đề tài thứ hai thường gặp trong tiểu thuyết của Chu Lai đó là cuộc sống của con người trong thời bình. Vượt qua chiến tranh con người hân hoan với niềm tự do, hạnh phúc hướng đến việc xây dựng đời sống. Khi kinh tế thị trường xuất hiện, đời sống dần thay đổi, họ phải đối mặt với thách thức làm sao để thoát khỏi cảnh nghèo. Trong khi họ khó có thể trụ vững khi xã hội ngày càng tạo nên những uy lực vô hình cho đồng tiền. Giọng điệu triết lý đã tạo nên hiệu quả nghệ thuật góp phần làm sáng tỏ lăng kính của tác giả. Người kể chuyện mang đến nhiều sắc thái biểu cảm bằng cách kể chuyện đầy sự tinh tế đi sâu vào suy tư trầm trở. Vì lẽ đó giọng điệu triết lý là một điều kiện thiết yếu làm sự thành công của tác phẩm.

Phố - tựa đề tiểu thuyết mở ra khung cảnh phố nhà binh, thoáng chốc sẽ làm tưởng đây là nơi xa hoa, thế nhưng đây là khu phố nghèo, cảnh đời đầy khó khăn. Sự quan sát và đánh giá khách quan bằng giọng điệu triết lý với âm điệu u hoài, ngờ hoặc: *“Khát vọng*

sáng tạo, khát vọng hướng thiện? Giờ đây chỉ còn là những tham vọng suông sẽ cốt làm thỏa mãn cho được cái tiếng gào trống rỗng của dạ dày thôi ư? Thế thì buồn quá! Hay là vui? Là sự chuyển dịch đi lên tất yếu của cuộc đời?" [4 tr. 42]. Tiếp đó, giọng điệu triết lý càng chậm rãi, ngậm ngùi trước tình cảnh ngặt nghèo. Người kể chuyện xoáy vào tình thế của vợ chồng Thảo phải chia xa để tìm cơ hội thay đổi cuộc sống. Đồng tiền có lúc là nguồn cơn cho sự xuất hiện sự rạn vỡ trong một gia đình đã từng hạnh phúc: "*Kiểm sống! Sao ở đâu cũng vang lên cái từ nghiệt ngã kiểm sống thế này?*" [4 tr.53]. Người kể chuyện cho thấy sự đồng cảm, thấu hiểu cho sự xót xa của con người khi những giá trị nhân phẩm dần bị biến chất bởi đồng tiền. Đồng thời giọng điệu triết lý đã đánh thức con người nên tỉnh táo trong vòng đời vẩn xoay, cần phải bảo vệ những giá trị phẩm chất đạo đức, danh dự bởi đồng tiền không thể mua được mà còn cướp mất đi.

Xoay quanh nhân vật Hùng trong tiểu thuyết *Hùng Karo*, người kể chuyện đồng sự kể lại hành trình của chính bản thân trải qua rất nhiều thăng trầm. Người kể chuyện đã phác họa một vòng mê cung luẩn quẩn rối ren. Do đó, giọng điệu triết lý của tiểu thuyết đã thể hiện được sự trưởng thành ở từng thời điểm của nhân vật Hùng cũng chính là người kể chuyện. Trước hết, người kể chuyện đã dùng giọng điệu này cho thấy sự đắn đo, cân nhắc, không đặt hết niềm tin vào bạn bè khi mới bắt đầu kinh doanh: "*Mẹ tôi bảo buôn có bạn bán có phường nhưng tôi chỉ thích lắm lủi một mình, phường gì, bạn gì, va chạm đồng tiền để làm con người này thói tham mà chơi nhau, hại nhau như cái thằng Hoán thói tha kia.*" [5 tr.35]. Hay có lúc nhìn lại những sự việc đã xảy ra, cuộc đời của Hùng từ lúc nhỏ đã thiếu thốn vật chất, đến mất đi người em tội nghiệp, vào tù, trở thành tên cướp bị lệnh truy nã cũng

chung quy vì một chữ tiền. Do đó khi rơi vào trạng thái vừa thất vọng, hụt hẫng, chua chát, thì giọng điệu triết lý như gửi một nụ cười khẩy cho cuộc đời, số phận bị chi phối dần tha hóa nhân cách chỉ bởi "*Tiền! Đồng tiền là cái quái quỷ gì mà nó gây khổ cho con người đến thế?*" [5 tr.114]. Giọng điệu lúc này chính là phương thức thể hiện tiến trình thay đổi nhận thức, tâm tư của người kể chuyện bằng sự trải nghiệm đầy chân thực. Do đó giọng điệu triết lý như một lời nhắc nhở, cảnh tỉnh cho việc nhận thức kịp thời những giá trị sống đúng bởi sự cám dỗ của đồng tiền mà đánh mất đi chính mình.

Khi tiếp nhận các tiểu thuyết của Chu Lai, độc giả sẽ nhận thấy giọng điệu triết lý của người kể chuyện thường nói về bản chất của chiến tranh, hiện tượng chuyển hóa của đời sống, sự chiêm nghiệm về cách ứng xử, thái độ của con người. Giọng điệu này được tạo dựng linh hoạt, tương thích với mạch cảm xúc của truyện. Dù ở đề tài chiến tranh hay hòa bình thì vẫn đảm bảo giá trị nghệ thuật. Qua đây thấy được cách người kể chuyện bộc lộ giọng điệu triết lý sẽ có sự khác biệt ở ngôi kể tùy theo đó giọng điệu được cất lên một cách khách quan, chính kiến, đánh giá, phân định hoặc chủ quan, trần tình, bộc bạch. Bằng nhiều cung bậc sắc thái khác nhau, người kể chuyện linh hoạt chuyển đổi trong âm vực có lúc trầm hùng kiên định, đanh thép nhưng đôi lúc lại suy tư, trầm trồ. Từ đây giọng điệu của người kể chuyện còn mang đến chức năng truyền tải, cất lên tiếng nói nhân quyền, đả phá bản chất chiến tranh cùng với đó mang lại những bài học đầy giá trị nhân sinh trong đời sống.

2.2. Giọng điệu thương cảm

Từ chiến tranh cho đến hòa bình, chuỗi ngày dần trôi đều có những góc khuất chất chứa buồn bã, đau thương. Nhà văn đã trở thành người thư kí trung thành khắc họa lại các tầng

bạc khoáng khắc ấy vào tác phẩm. Nhìn từ góc độ tự sự học, người kể chuyện đã hoàn thành trách nhiệm khi mang đến giọng điệu thương cảm với âm hưởng nhẹ nhàng nhưng thấm thía những nỗi đau, chua xót, ngậm ngùi của diễn biến cuộc đời. Sự đồng cảm, thấu hiểu và yêu thương chất chứa trong giọng điệu thương cảm gắn liền với những giá trị bất biến về nhân cách, phẩm chất của con người.

Chiến tranh – nơi tạo nên bối cảnh kinh hoàng, là ranh giới vô định giữa sự sống và cái chết, vì lẽ đó người kể chuyện đã xót xa tiễn biệt người hy sinh, đồng cảm cho người ở lại. Giọng điệu thương cảm ở *Mưa đỏ* chính là tiếng lòng đau đáu khôn cùng khi chứng kiến khung cảnh quặn thắt lúc Cường phải nhìn đồng đội dần dần mất đi trong dòng sông hỗn chiến: “*Tú ơi!... Cường học lên một tiếng đau đớn rồi dụi sâu mặt vào thân chuối, để mặc cho nước trào ra, trào ra... Cùng lúc, như một sự thăng hoa bất chợt và thần thánh, từ trong tâm tưởng rách rưới của anh, từ trong nỗi đau tột cùng của anh, một nét nhạc vang lên thao thiết, khổ đau, kiêu hùng.*” [3 tr.211]. Trong hoàn cảnh đó giọng điệu thương cảm còn toát lên âm hưởng bi tráng như thúc giục người chiến sĩ chiến đấu mạnh mẽ hơn, thực hiện lý tưởng còn dang dở của những người đồng đội đã vùi thân mình vào mảnh đất thành cỏ đầy thiêng liêng. Lúc này người kể chuyện dị sự chính là người chứng kiến, suy cảm càng lớn thế nên giọng điệu được nung nấu càng thấm đượm tình cảm, tinh thần của những người trong hành trình bảo vệ lý tưởng đầy khó khăn và ngiệt ngã.

Sức nặng của chiến tranh đối với người chiến sĩ không phải ở việc hằng ngày phải chứng kiến đạn pháo dồn dập. Mà đó chính là bước chân tiễn biệt người đồng đội gắn bó như ruột thịt, cùng nhau vào sinh ra tử. Người kể chuyện đã quan sát tỉ mỉ miêu tả lại nặng

trữ sự bi ai của các đồng đội khi chứng kiến đồng đội hy sinh: “*Với thi thể của Tạ trên vai, họ đi tiếp về phía khu thành, lầm lũi, không ai nói với ai lời nào. Đã trải qua bao cái chết, bao sự mất mát nhưng chưa lần nào họ thấy sự mất lại nặng trĩu như lần này. Họ không chỉ mất đi một đồng đội, một người chỉ huy tháo vát, một người anh thân yêu hơn thế, họ còn mất đi chỗ dựa tin cậy, một điểm tựa chắc chắn mà không biết trong những ngày tới sẽ ác liệt hơn họ sẽ sống và chiến đấu thế nào?*” [3 tr.274]. Đặc biệt với chất giọng thương cảm xuất phát từ việc thấu hiểu, cảm thông cho nỗi đau của người chiến sĩ, người kể chuyện đã nhấn mạnh tâm tình của họ đối với nhau trong chiến trường khốc liệt. Với nhịp điệu chậm rãi kết hợp với giọng điệu thương cảm càng làm tăng mức độ tính chất mất mát. Khung cảnh thương tâm đó phản ánh được hậu quả mà chiến tranh gây ra tác động rất lớn đến tinh thần của con người.

Câu chuyện được tiếp diễn đến lúc hòa bình lập lại. Người kể chuyện mở ra khung cảnh bình yên nhưng trong đó ẩn chứa nỗi buồn sâu thẳm, quặn thắt của người mẹ: “*Mất người mẹ nhòa đi nhưng những giọt nước mắt vẫn khô quánh không chảy ra nổi hay nó đã chảy ra đến cạn kiệt suốt những ngày qua rồi. Bà sẽ cứ ngồi như thế, ngồi như một bức tượng dài mất mát thiên thu nếu cô gái không nhẹ đỡ bà đứng dậy, dìu bà đi chậm chậm từng bước vào khu Thành cổ.*” [3 tr.354]. Lặng lại trong suy tư, giọng điệu thương cảm gần như là sự vỗ về, an ủi chất đầy tình yêu ôm ấp vết thương lòng người mẹ mang.

Từ chương đầu tiên của tiểu thuyết *Khúc bi tráng cuối cùng*, giọng điệu thương cảm đã được thể hiện bằng cách khắc họa lại chân dung của người mẹ ở hậu phương. Bao lần tiễn con đi là bao lần ngậm ngùi nén lại những cảm xúc khó tả. Giọng điệu thương cảm ngân lên với

tính chất gợi nên khung cảnh đơn độc, hiu hắt quanh quần của người mẹ đầy sự mông lung, vô định: “Giữa bàn thờ, một nén hương khác lại cháy sáng. Nước mắt bà mẹ rịn ra trên đôi gò má nhăn nheo... Ngoài kia, dòng sông dường như cũng đang rền lên cái âm thanh sâu thẳm và bí hiểm tới vô cùng đó. Cái âm thanh như dội lên từ lòng đất. Dội xuống từ chín tầng không trung. Dội vào trong cái nhìn của mẹ, bà mẹ Việt Nam, bà mẹ sông Hồng, bà mẹ đã bao lần tiễn chồng con ra đi để rồi chỉ biết âm thầm chờ đợi bên nhang khói hắt hiu.” [2 tr.8].

Bà Trang – một người mẹ ở tiểu thuyết này rơi vào hoàn cảnh rất nghiệt ngã, người kể chuyện đã đồng hành với nỗi buồn sâu thẳm trong tâm tư của nhân vật tái hiện lại bằng giọng điệu cảm thương. Đi sâu vào tâm lý và giúp cho người đọc dễ dàng đồng cảm, gắn kết với tình cảm ngổn ngang mà người mẹ chất chứa: “Cuộc đời này đã biết bao lần bà thành tâm cầu cúng nhưng để rồi bất hạnh nối tiếp bất hạnh vẫn cứ nhằm đầu bà già giáng xuống. Cứ giáng xuống đi, bà sẵn sàng chịu hết nhưng lần này, có thể là lần mong ước cuối cùng trong đời bà, bà thao thiết được nhìn thấy cha con nó đứng bên nhau một lần, chỉ một lần thôi, thao thiết đến rã rời cả người” [2 tr.313]. Chất giọng trong tiểu thuyết này như khuấy động tâm hồn người tiếp nhận với việc sử dụng ngôn từ mang đầy sự trĩu nặng lòng của người mẹ. Trong tâm thế chứng kiến những lần khắc khoải ở cuộc đời của người mẹ hậu phương, người kể chuyện với giọng điệu cảm thương nhấn mạnh những vụn vỡ tâm hồn và sự đau xót một cách kín đáo. Điều này chứng minh được cảm quan của người kể chuyện không chỉ đánh giá, bình phẩm mà còn nhờ giọng điệu thể hiện được chân tình của nhân vật, từ đó truyền tải được lòng trắc ẩn khi đối mặt với hoàn cảnh đầy ngậm ngùi.

Giọng điệu trong tiểu thuyết của Chu Lai vẫn mang âm sắc thương cảm khi hướng về bối cảnh đất nước đi vào thời bình. Nhịp điệu câu chuyện có lúc chậm rãi đến buốt nhói, người kể chuyện hướng giọng điệu thương cảm phù hợp để truyền tải hết những thăng trầm, trớ trêu đến ngậm ngùi. Sống trong cảnh hòa bình, con người hướng đến đời sống cá nhân, vất vả lo toan khi đồng tiền chi phối rất lớn đến đời sống. Dựa trên nền tảng đó Chu Lai đã sáng tạo nên tiểu thuyết *Ấn mảy dĩ vãng*, *Phố*, *Hùng Karô*. Tại đây, người kể chuyện đã cất lên giọng điệu thương cảm về những ẩn khuất mặc cảm về số phận, biến đổi khôn lường của nhịp độ phát triển xã hội cuốn theo các giá trị phẩm chất của con người.

Đến với *Ấn mảy dĩ vãng*, người kể chuyện đi từ ngỡ ngàng đến xót xa khi nhận ra sự biến thiên của đời sống. Nhưng điều kiện tất yếu vẫn xoay khiến người kể chuyện nhận ra bản chất của cuộc đời không tồn tại bất biến kể cả tình cảm của con người. Do vậy giọng điệu thương cảm hiện hữu như lời phân giải những tâm tư: “*Thế đấy! Nếu cuộc đời của tôi suôn sẻ hơn, nếu tôi biết lựa thời mà sống, mà mềm mại hơn đôi chút thì giờ này tôi đâu có phải ngồi còm róm ở đây, biết đâu tôi chả là thượng khách của bà ta, là thượng khách của cái ban lãnh đạo tỉnh này. Biết đâu, vâng biết đâu...*” [6 tr.269]. Việc tạo dựng giọng điệu thương cảm được bộc bạch từ chính ngôi kể của nhân vật Hai Hùng, ông đáng thương, cô độc trong một cuộc tình vô vọng và trở thành kẻ lập dị đối với đời, vừa muốn hòa nhập nhưng vừa cảm thấy mâu thuẫn đối với diễn biến của thời đại. Giọng điệu thương cảm có tác dụng xoa dịu, giải bày nỗi lòng của người kể chuyện về thân phận chính mình khi đặt bản thân trong mối quan hệ không tương xứng.

Xoay quanh việc ra nước ngoài với ý muốn kiếm thật nhiều tiền để về nước trang trải

cho gia đình, nhân vật Nam trong tiểu thuyết *Phố chết lặng*, chẳng thể níu chân nhưng cũng không đành để vợ đi. Người kể chuyện chính là trung gian bày tỏ sự đau đáu khôn cùng với từ ngữ mang tính chất cảm thán càng làm cho giọng điệu thương cảm trở nên sâu lắng: “*Đến điên cái đầu lên mắt. Chao! Giả như vợ chồng anh cũng có một cái mặt tiền coi nói như người ta? Cũng có đồng tiền tài trợ ở đâu đó nơi nước ngoài, dù rất ít ỏi, dù chỉ để không phải ăn bữa nay lo bữa mai thôi. Nước ngoài!...*” [4 tr.50]. Thông qua giọng điệu thương cảm, người kể chuyện chia sẻ khoảng lặng trong cuộc đời đầy biến đổi khôn lường, đòi hỏi con người phải đổi mới, mạnh mẽ bước qua. Bên cạnh đó còn là sự quan tâm, đồng cảm cho hoàn cảnh trớ trêu ở đời sống xã hội.

Bước sang tiểu thuyết *Hùng Karo*, giọng điệu thương cảm, đau xót được thể hiện bằng tiếng lòng của anh Hùng cũng chính là người kể chuyện. Đó là khi nỗi đau cất lên thành tiếng khóc giữa tình cảnh bi ai, người em gái của anh mất: “*Lúc đó tôi mới khóc, khóc thỏa thuê, khóc lặng lẽ, khóc cho mình, khóc cho nó, khóc giữa thiên nhiên giữa đất trời thăm thẳm. Nét ơi! Tha thứ cho anh. Tại anh. Chỉ tại anh. Anh kém cỏi, anh đón hèn, anh đã không cứu được em. Tất cả chỉ vì anh nghèo quá, nhà mình nghèo quá, con người với con người đối xử dửng dưng bạc bẽo quá mà em đến nỗi phải chết oan.*” [5 tr.114]. Cả thế giới nội tâm của nhân vật Hùng được thể hiện một cách rõ ràng, chân thật. Như vậy giọng điệu thương cảm là yếu tố để người đọc có thể phân tích được trạng thái tâm lý, cũng như tính cách của nhân vật này. Chu Lai đã chọn lựa giọng văn phù hợp vừa khắc họa được cuộc đời đầy sóng gió thăng trầm vừa thể hiện được tư tưởng của nhà văn về dòng chảy của xã hội, mỗi người một số phận và cách con người đối mặt với nó. Tầm tư tưởng của ông không hướng đến việc

tạo nên những tiền đề vĩ mô mà khai thác vào chân dung tâm lý của con người, phức tạp, biến động và đầy uẩn khúc. Giọng điệu này như lời ủi an, thấu cảm khi nhận thức được bên trong con người bị xã hội đánh giá là tội tình kia lại có những sự yêu thương chân thành và vất vả hòa nhập với đời.

Văn chương Chu Lai hướng về nhiều khía cạnh từ đời sống của những người lính, người ở hậu phương, đến những nhịp độ của cuộc sống bình thường trong thời bình đều mang âm hưởng của giọng điệu thương cảm. Mỗi con người gắn với số phận và hoàn cảnh khác nhau. Nên đâu đó vẫn cảm nhận được Chu Lai khai thác triệt để tâm lý của nhân vật thông qua cách dẫn dắt của người kể chuyện. Giọng điệu thương cảm được gắn kết chặt chẽ với nội dung mà nhà văn triển khai tạo nên sự hiệu quả trong cách truyền tải tư tưởng thông điệp. Hình thành nên những giá trị cao đẹp về phẩm chất, nhân cách. Đó cũng là điều kiện để phản ánh phê phán những biến động tiêu cực ảnh hưởng đến việc hình thành nhân cách phá vỡ mối quan hệ của con người.

3. Kết luận

Tóm lại, trong quá trình tiếp nhận và nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy lý thuyết tự sự học đã gợi mở giá trị giọng điệu trần thuật trong một số tiểu thuyết của nhà văn Chu Lai. Nổi bật với giọng điệu triết lý và thương cảm mang lại hiệu quả nghệ thuật góp phần tạo nên thành công cho tác phẩm. Trong đó, giọng điệu triết lý thường hướng về lý tưởng khát vọng tự do hạnh phúc, giữ gìn nhân phẩm đạo đức đồng thời khẳng khái đi vào bản chất của chiến tranh và sự biến chất gây tác động tiêu cực đến đời sống. Song song đó, giọng điệu thương cảm bộc bạch sự quan tâm, đồng cảm về số phận, hoàn cảnh của con người tại thời điểm chiến tranh và sau khi hòa bình lập lại. Từ đây có thể khẳng định được những giá trị

tư tưởng, thái độ của nhà văn Chu Lai đã giúp người đọc chạm tới những góc khuất ở tâm hồn con người, nêu cao thông điệp thiết thực. Đồng thời nhà văn truyền tải sự cảm thông, thấu hiểu, trao tặng những giá trị tốt đẹp thì lúc ấy con người có thể gắn kết với nhau, để chia sẻ và góp phần tạo nên giá trị đích thực trong đời sống.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (Đồng chủ biên) (2004), *Từ điển thuật ngữ văn học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [2] Chu Lai (2007), *Khúc bi tráng cuối cùng*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [3] Chu Lai (2017), *Mưa đỏ*, NXB Lao động, Hà Nội.
- [4] Chu Lai (2018), *Phố*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [5] Chu Lai (2018), *Hùng Karô*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [6] Chu Lai (2019), *Ăn mày dĩ vãng*, NXB Lao động, Hà Nội.
- [7] Trần Đình Sử (2006), *Trên đường biên của lí luận văn học*, NXB Phụ nữ, Hà Nội.
- [8] Trần Đình Sử (2010), *Tự sự học một số vấn đề lí luận và lịch sử (Phần 2)*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [9] Trần Đình Sử (2018), *Tự sự học lí thuyết và ứng dụng*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.